

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN BẮC
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18/7/2022
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC,
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Đặng Văn Minh

2/ Ông Nguyễn Thanh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Văn Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 18 tháng 7 N 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc,
tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 233/2022/TLST-HNGĐ
ngày 13 tháng 4 N 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; Theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số 81/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/6/2022, Quyết
định hoãn phiên tòa số 54/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24/6/2022, giữa các đương
sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tấn X, sinh N 1985

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh N 1987

Cùng địa chỉ: khu phố P, thị trấn P, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt anh X; Vắng mặt chị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện ngày 05/4/2022, bản khai của nguyên đơn anh Nguyễn
Tấn X trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị N cưới nhau vào N 2010, có
đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Long, huyện Hàm Thuận Bắc,
tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 122 ngày 21/12/2010. Việc cưới
nhau là do hai bên tự nguyện, không bị ai ép buộc và được gia đình hai bên đồng
ý. Vợ chồng sống rất hạnh phúc đến tháng 11/2018 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chị N không tôn trọng anh, nhiều lần anh đi nhậu về chị N cầm dao đe dọa anh, quậy phá nơi làm việc của anh dẫn đến anh phải nghỉ việc. Khi nghỉ việc thì chị N xúc phạm chửi anh là đồ ăn bám, anh đã nhiều lần gửi đơn Toà án xin ly hôn với chị N nhưng chị N hứa sẽ sửa sai nên anh đã rút đơn, sau khi rút đơn về chị N vẫn không thay đổi. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2019. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa và nguyện vọng của anh là yêu cầu xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thành Đ - sinh ngày 23/02/2011. Khi ly hôn anh đồng ý giao con cho chị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, hàng tháng anh cấp dưỡng tiền nuôi con là 1.000.000đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, do chị Nguyễn Thị N vắng mặt nên anh yêu cầu Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn chị Nguyễn Thị N đã được tổng Đ hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng như ghi lời khai, lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung với bị đơn chị Nguyễn Thị N. Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con. Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố P, thị trấn P, huyện H, tỉnh Bình Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị N đã được tổng Đ các văn bản tố tụng và được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt, chứng tỏ chị N tự từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Nguyễn Thị N.

[3] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Hôn nhân của anh Nguyễn Tấn X và chị Nguyễn Thị N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Long, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 122 ngày 21/12/2010. Đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình. Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Tấn X, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo anh X trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do không cùng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi nhau, chị N không tôn trọng anh, nhiều lần anh đi nhậu về chị N cầm dao đe dọa anh, quậy phá nơi làm việc của anh dẫn đến anh phải nghỉ việc. Khi nghỉ việc thì chị N xúc phạm chửi anh là đồ ăn bám, anh đã nhiều lần gửi đơn Tòa án xin ly hôn với chị N nhưng chị N hứa sẽ sửa sai nên anh đã rút đơn, sau khi rút đơn về chị N vẫn không thay đổi. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2019. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa và nguyện vọng của anh là yêu cầu xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

Xét mâu thuẫn của anh X và chị N đã trầm trọng, thể hiện qua việc khi Tòa án thông báo về yêu cầu ly hôn của anh X thì chị N không có ý kiến hay tác động gì để hàn gắn gia đình mà bỏ mặc; khi tòa án tổ chức hòa giải đoàn tụ thì chị N vắng mặt không tham dự hòa giải. Việc đó thể hiện ý thức xem thường pháp luật, không thiết tha gì đến hạnh phúc và hôn nhân của mình. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Tấn X và chị Nguyễn Thị N thực tế đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể kéo dài cuộc sống chung. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình N 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Tấn X.

- *Về con chung*: Anh Nguyễn Tấn X và chị Nguyễn Thị N có 01 con chung tên Nguyễn Thành Đ - sinh ngày 23/02/2011. Hiện nay cháu Đ đang sống với chị N, khi ly hôn anh X đồng ý giao quyền trực tiếp nuôi con cho chị N, hàng tháng anh cấp dưỡng tiền nuôi con là 1.000.000đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

Xét yêu cầu giao con của anh X, Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ ngày anh X và chị N sống ly thân, chị N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ. Tại bản khai ngày 15/4/2022, cháu Đ trình bày nguyện vọng là khi ba mẹ ly hôn cháu muốn sống chung với mẹ. Xét nguyện vọng của anh X và cháu Đ, đồng thời để không làm thay đổi môi trường sống của cháu Đ nên giao con chung tên Nguyễn Thành Đ - sinh ngày 23/02/2011 cho chị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Về phần cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Tấn X tự nguyện cấp dưỡng nuôi con tên Nguyễn Thành Đ mỗi tháng là 1.000.000đồng/tháng. Xét thấy theo quy định tại Điều 116 Luật Hôn Nhân gia đình quy định “*Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng*” và tại Điều 16 Nghị định số 70/2001/NĐ-CP ngày 03/10/2001 của Chính phủ quy định “*Nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng được xác định căn cứ vào mức sinh hoạt trung bình tại địa phương nơi người được cấp dưỡng cư trú, bao gồm các chi phí thông thường cần thiết về ăn, ở, mặc, học, khám chữa bệnh và các chi phí thông thường cần thiết khác để đảm bảo cuộc sống của người được cấp dưỡng*”. Như vậy, việc anh X tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đồng/tháng là hoàn toàn phù hợp. Do đó, Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của anh X về cấp dưỡng nuôi con tên Nguyễn Thành Đ mỗi tháng 1.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu Đ đến tuổi thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Tấn X phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị N không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Nguyễn Tấn X phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, khoản 4 Điều 91, Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 146, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Tấn X. Anh Nguyễn Tấn X được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

2. *Về con chung:* Giao con chung tên Nguyễn Thành Đ - sinh ngày 23/02/2011 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng: Anh Nguyễn Tấn X có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tên Nguyễn Thành Đ - sinh ngày 23/02/2011 mỗi tháng 1.000.000đồng/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Đ đến tuổi thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự N 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Anh Nguyễn Tấn X có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí:* Anh Nguyễn Tấn X phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Anh X đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0006153 ngày 13/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận nên không phải nộp nữa.

Anh Nguyễn Tấn X phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (phần cấp dưỡng nuôi con).

5. *Về quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 18/7/2022). Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS H.Hàm Thuận Bắc;
- **UBND thị trấn Phú Long;**
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Huỳnh Thị Kim Hoa